TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

PHIẾU ĐĂNG KÝ MÔN HỌC_KHÓA 2012+2013+2014+2015+2016
Đại học chính quy - Ngành Kỹ thuật công trình xây dựng

Đợt đăng ký: 18/12/2017	THÔNG TIN SINH VIÊN: Phải điền đầy đủ thông tin yêu cầu	XÁC NHẬN CỦA CỐ VẤN HỌC TẬP:
+ Đăng ký Đợt 1: O	+ Họ tên:	+ Ý kiến của Cố vấn học tập (nếu có):
+ Đợt hiệu chỉnh: O	+ Mã số sinh viên:	
Thông tin về Đợt đăng ký:	+ Lớp học:	
+ Đăng ký môn học chuẩn bị cho học kỳ 2 (2017 - 2018).	+ Ngành:	
	+ Điện thoại liên lạc:	
	+ Email:	
	+ Ngày đăng ký môn học:	
Tổng số đăng ký:	+ Ký tên xác nhận:	+ Ký và ghi rõ họ tên:
+ Số môn:		
+ Số tín chỉ:		

STT	NGÀNH & CHUYÊN NGÀNH	ĐKMH (tô đen ô chọn)	MSMH	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ	TS	LT	BT	TL	TN	ĐA	LA	HỆ SỐ TÍNH HỌC PHÍ	HỌC KỲ
1	D14_XD	O	1XDCHCN005	Quản lý xây dựng 2	2	45	30	15	0	0	0	0	3	GĐ1 - HK8
2	D14_XD	O	1XDCHCS003	Kỹ thuật an toàn và môi trường	2	45	30	15	0	0	0	0	3	GĐ1 - HK8
3	D14_XD	O	1XDCHCN013	Đồ án Thi công 2	1	30	0	0	0	0	30	0	2	GĐ1 - HK8
4	D14_XD	O	1CBBTTN001	Lý luận chính trị cuối khóa	2	30	15	15	0	0	0	0	2	GĐ2 - HK8
5	D14_XD	O	1XDTTTN001	Thực tập tốt nghiệp	2	90	0	0	0	90	0	0	4	GĐ2 - HK8
6	D14_XD	chưa	1XDBTTN002	Đồ án / Khóa luận tốt nghiệp --> SV theo dõi thông báo trong Tháng 03/2018	6	225	0	0	0	0	0	225	15	GĐ2 - HK8
7	D15_XD	O	9DTXHDC002	Nhập môn công tác kỹ sư	2	45	30	15	0	0	0	0	3	HK6
8	D15_XD	O	1XDCHCN001	Tin học chuyên ngành 3	2	45	15	0	0	30	0	0	3	HK6
9	D15_XD	O	TAM_XD_04	Bê tông cốt thép 2	3	45	30	15	0	0	0	0	3	HK6
10	D15_XD	O	TAM_XD_16	Nền móng công trình	3	45	30	15	0	0	0	0	3	HK6
11	D15_XD	O	TAM_XD_03	Thi công 1 (Kỹ thuật thi công)	3	45	30	15	0	0	0	0	3	HK6
12	D15_XD	O	TAM_XD_17	Thiết kế công trình dân dụng	3	45	30	15	0	0	0	0	3	HK6
13	D15_XD	O	1XDDDCN002	Kết cấu thép 2	2	45	30	15	0	0	0	0	3	HK6
14	D15_XD	O	1XDDDCN003	Kiến trúc 2	2	45	30	15	0	0	0	0	3	HK6
15	D15_XD	O	1XDCHCN010	Đồ án Kết cấu bêtông cốt thép 2	1	30	0	0	0	0	30	0	2	HK6
16	D15_XD	O	1XDCHCN011	Đồ án Nền móng	1	30	0	0	0	0	30	0	2	HK6
17	D15_XD	O	1XDDDCN006	Đồ án Kết cấu thép	1	30	0	0	0	0	30	0	2	HK6
18	D16_XD	O	TAM_CH_13	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	45	45	0	0	0	0	0	3	HK4
19	D16_XD	O	TAM_CH_06	Tiếng Anh 4	2	45	15	0	30	0	0	0	3	HK4
20	D16_XD	O	1XDCHCS001	Anh văn chuyên ngành 1	2	30	30	0	0	0	0	0	2	HK4
21	D16_XD	O	TAM_XD_12	Cơ học đất	3	45	30	15	0	0	0	0	3	HK4
22	D16_XD	O	TAM_XD_07	Cơ học kết cấu 1	3	45	30	15	0	0	0	0	3	HK4
23	D16_XD	O	TAM_XD_08	Sức bền vật liệu 2	3	45	30	15	0	0	0	0	3	HK4
24	D16_XD	O	1XDCHCS012	Tin học chuyên ngành 1	2	45	15	0	0	30	0	0	3	HK4
25	D16_XD	O	TAM_XD_13	Trắc địa	3	45	30	15	0	0	0	0	3	HK4
26	D16_XD	O	1XDCHCS017	Vẽ kỹ thuật chuyên ngành (XD)	2	45	30	15	0	0	0	0	3	HK4
27	D16_XD	O	TAM_XD_06	Thí nghiệm Sức bền vật liệu	1	30	0	0	0	30	0	0	2	HK4
28	D16_XD	O	TAM_XD_15	Thực tập Trắc địa	1	30	0	0	0	30	0	0	2	HK4
29	D16_XD	O	TAM_XD_14	Thí nghiệm Cơ học đất	1	30	0	0	0	30	0	0	2	HK4
30	D16_XD	O	TAM_QP_02	Giáo dục quốc phòng (ĐH)	0	165	90	15	0	60	0	0	0	HK4
31	D17_XD	O	GS39002	Toán A2 (ĐH) (= Toán A3 cũ)	4	60	45	15	0	0	0	0	4	HK2
32	D17_XD	O	TAM_CH_10	Vật lý 2	4	60	45	15	0	0	0	0	4	HK2
33	D17_XD	O	GS17001	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác - Lênin	4	75	45	0	30	0	0	0	5	HK2
34	D17_XD	O	GS12001	Pháp luật Việt Nam đại cương	3	45	30	15	0	0	0	0	3	HK2
35	D17_XD	O	TAM_CH_05	Tiếng Anh 2	2	45	15	0	30	0	0	0	3	HK2
36	D17_XD	O	TAM_XD_05	Sức bền vật liệu 1	3	45	30	15	0	0	0	0	3	HK2
37	D17_XD	O	TAM_CH_11	Thí nghiệm Vật lý_Phần 2	1	30	0	0	0	30	0	0	2	HK2
38	D17_XD	O	TAM_XD_06	Thí nghiệm Sức bền vật liệu	1	30	0	0	0	30	0	0	2	HK2
39	D17_XD	O	GS19001	Giáo dục thể chất 1	0	30	0	0	0	30	0	0	2	HK2
40	D17_XD	O	GS19002	Giáo dục thể chất 2	0	30	0	0	0	30	0	0	2	HK2
Sinh viên đăng ký học những môn ngoài kế hoạch. Nếu đủ sĩ số, Phòng Đào tạo sẽ tổ chức lớp:														
1														
2														
3														